

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

(Dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo đại học của Trường)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
 - + Tiếng Anh: **Scientific socialism**

- Mã học phần: DCB.03.13

- Số tín chỉ: 2

- Vị trí của học phần trong CTĐT^[2]

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				<input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	

- Học phần tiên quyết^[3]: Không
- Học phần học trước^[4]: Không
- Học phần song hành^[5]: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động^[6]: [100 giờ]
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20 giờ)
 - + Bài tập, thực hành, thảo luận, hoạt động nhóm 12 giờ)
 - + Kiểm tra: 4 giờ
- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm^[7]): 64 giờ

Viện, Bộ môn phụ trách học phần: Viện cơ bản, Bộ môn Lý luận chính trị

- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

1) Họ và tên: TS. Nguyễn Văn Sanh

Chức danh: Giảng viên chính

Thông tin liên hệ: ĐT: 0963785092 ; Email: sanhtcnh@gmail.com

2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hương:

Chức danh: Giảng viên chính

Thông tin liên hệ: ĐT: 0978817794 ; Email: linhhuong.epu@gmail.com

2. Mô tả học phần

Chương I: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chương II: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Chương III: CNXHKKH và thời kỳ quá độ lên CNXH.

Chương IV: Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN.

Chương V: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Chương VI: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương VII: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần ^[9]	Mô tả mục tiêu học phần ^[10] Học phần nhằm cung cấp cho người học:
CSO 1.1	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH – một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin.
CSO 2.1	Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một môn khoa học và của một vấn đề nghiên cứu, phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.
CSO 3.1	Giúp sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị, có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần ^[9]	CDR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CDR về kiến thức:</i>				
CSO 1.1	CLO 1.1	Nhớ được hoàn cảnh ra đời và các giai đoạn phát triển của CNXHKKH	PLO1.1	1
	CLO 1.2	Giải thích được nội dung quan trọng của lý thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; hiểu được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.	PLO1.1	3
<i>CDR về kỹ năng:</i>				
CSO 2.1	CLO 2.1	Vận dụng được kiến thức, sự hiểu biết về CNXHKKH để nâng cao trình độ lý luận, có được tư duy và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.	PLO2.2	3
	CLO 2.2	Tiếp thu một cách hiệu quả lý luận mới, những thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại, có niềm tin vào sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, có cơ sở khoa học chống lại tư tưởng lạc hậu, phản động.	PLO2.2	2
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				

Mục tiêu học phần ^[9]	CDR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CDR về kiến thức:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	Đánh giá được, liên kết được kiến thức của học phần từ đó hình thành được quan điểm riêng của mình đối với các vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước, có cái nhìn đúng đắn về các sự kiện kinh tế-xã hội trong nước và quốc tế.	PLO3.1	3
	CLO 3.2	Có niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam.	PLO3.2	2

Mức độ đóng góp:

1: Introduce (Giới thiệu) 2: Reinforce (Củng cố) 3: Master (Thành thạo)

5. Học liệu^[15]

5.1. Tài liệu chính:

1. Giáo trình: Chủ nghĩa xã hội khoa học (Bộ GD&ĐT)– NXB Chính trị Quốc gia sự thật 2021
2. Slides bài giảng của giảng viên

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình Triết học Mác-Lênin (cho hệ thống không chuyên lý luận chính trị). Hà Nội, 2019.
2. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2002) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
3. Hoàng Chí Bảo, Nguyễn Việt Thông, Bùi Đình Bôn (đồng chủ biên), Một số vấn đề lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Nxb Lao động, Hà Nội, 2009.

6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

x	Thuyết trình	x	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Công trình nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	Dự án/Đồ án
x	Phát vấn	x	Thuyết giảng	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>	Tham quan thực tế
x	Giải quyết vấn đề	x	Phương pháp khác				

7. Nội dung chi tiết học phần

Tuần/Bài		Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
			LT, KT	BT, TL		
Tuần 1	Bài 1	Chương I. Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học I. Sự ra đời của CNXHKKH II. Các giai đoạn phát triển của CNXHKKH III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH	3 lý thuyết	2 thảo luận	CLO 1 CLO 2	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	Bài 2	Chương II. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân I. Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 1 CLO 2	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
Tuần 2	Bài 3	Chương III. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. I. Chủ nghĩa xã hội II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. III. Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	3 lý thuyết	2 thảo luận	CLO 2 CLO 3	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	Bài 4	Chương IV. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. I. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 2 CLO 3	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
Tuần 3	Bài 5	Chương IV (tiếp) II. Nhà nước XHCN	1 lý thuyết 3 tiết kiểm tra	1 tiết thảo luận	CLO 3 CLO 4	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV

Tuần/Bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
		LT, KT	BT, TL		
	III. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam				(6 tiết)
	Bài 6 Chương V. Cơ cấu xã hội –giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 3 CLO 4	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
Tuần 4	Bài 7 Chương V (tiếp) III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam Chương VI. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH 1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc 1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 4 CLO 5	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	Bài 8 Chương VI (tiếp) II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 4 CLO 5	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
Tuần 5	Bài 9 Chương VII. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội I. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 5 CLO 6	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)

Tuần/Bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
		LT, KT	BT, TL		
	II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH.				
Bài 10	Ôn tập + kiểm tra định kỳ	1 lý thuyết 3 tiết kiểm tra	1 tiết thảo luận	CLO 5 CLO 6	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (10 tiết)
TỔNG CỘNG		24	12		

8. Nhiệm vụ của người học

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	
Bài kiểm tra số 1- 50 phút giữa kỳ	30	Trắc nghiệm tự luận	Theo thang điểm đề kiểm tra	CLO1.1, CLO1.2, CLO 2.1	40% 40% 20%
Bài kiểm tra số 2 – (Bài đánh giá tổng hợp kết quả làm Bài tập nhóm)		SV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhóm theo sự phân công của Trưởng nhóm.	Rubric	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO1.4, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2,	10% 20% 20% 30% 20%

Bài thi hết học phần	60	Trắc nghiệm tự luận	Theo thang điểm đề thi	CLO1.2, CLO2.1, CLO3.1,	20% 50% 30%
----------------------	----	---------------------	------------------------	-------------------------------	-------------------

9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

9.3.1 Các Rubric đánh giá bài tập nhóm

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				
		Giỏi	Khá	Trung bình	TB yếu	Kém
		8,5 - 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0
1. Nhận diện được các ý chính của bài thảo luận	25%	Bài trình bày thể hiện việc người học chuẩn bị nội dung phong phú, đúng với chủ đề, trình bày rõ ràng,	Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu khá tốt nội dung đề bài vì người học nói đúng nội dung, súc tích, đầy đủ.	Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ hiểu một phần nhỏ nội dung chủ đề vì chỉ nhắc tới một vài ý chính của bài thuyết trình tương ứng với mục tiêu được giao.	Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ nắm được một phần rất nhỏ nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài thuyết trình	Bài trình bày thể hiện việc người học không nắm được nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài thuyết trình, lúng
2) Mức độ đạt được mục tiêu được giao	25%	Nội dung giúp người học thực hiện hoá được hết (các) mục tiêu chủ đề được giao.	Nội dung trình bày tương đối đầy đủ các mục tiêu của chủ đề thảo luận.	Nội dung nhắc đến một phần mục tiêu của đề bài.	Nội dung nhắc đến một ý nhỏ mục tiêu của đề bài.	Nội dung không liên quan đến chủ đề thảo luận được giao.
(3) Tính rõ ràng	20%	Liên kết giữa các nội dung được trình bày rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được bố cục chặt chẽ và phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp.	Liên kết giữa các nội dung được trình bày khá rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được phát triển đầy đủ kèm theo	Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra phần lớn có liên quan đến ý cần nói. Nội	Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra có liên quan một phần đến ý cần	Có rất ít sự liên kết giữa các nội dung được trình bày. Thông tin đưa ra thường không liên quan đến ý cần nói. Nội dung thiếu thông tin chi tiết.

			thông tin chi tiết phù hợp.	dung có kèm theo thông tin chi tiết.	nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết.	
(4) khả năng làm việc nhóm,	10%	Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú, các thành viên hỗ trợ nhau phản biện, trình bày sinh động, có sử dụng công nghệ.	Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú.	2/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được phong phú về hình ảnh, nội dung.	1/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được phong phú về hình ảnh, nội dung.	Rời rạc, không có liên kết, chuẩn bị nội dung sơ sài.
(5) Người thuyết trình	10%	Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải, kết hợp các thành viên cùng tham gia thuyết trình, có tương tác với người nghe.	Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải.	Người trình bày nói chậm, không có ngữ điệu.	Người trình bày nói chậm, không mạch lạc, không có ngữ điệu.	Người trình bày nói không rõ ràng và ngập ngừng nhiều (dài). Không mạch lạc, nói vấp, nói sai.
6) Trả lời câu hỏi của khán giả	10%	Tất cả các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề được hỏi.	Hầu hết các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết khá tốt về chủ đề được hỏi.	Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu kiến thức về chủ đề được hỏi.	Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu nhiều kiến thức về chủ đề được hỏi.	Không trả lời được câu hỏi nào từ bạn/ giáo viên.

Chú ý: Giảng viên có thể linh hoạt theo từng lớp.

- Nếu có thời gian và trình độ chung về THT của lớp tốt, giáo viên có thể yêu cầu SV thuyết trình, dùng 2 tiêu chí cuối.

- Nếu lớp có trình độ chung về THT chưa tốt lắm. và sinh viên cần nhiều hỗ trợ của giáo viên hơn về mặt nội dung, thì giáo viên có thể không yêu cầu SV thuyết trình mà chỉ chuẩn bị bài như yêu

câu. Thời gian còn lại dùng cho các hoạt động thảo luận. Như vậy 2 tiêu chí dưới cùng không dùng, và 20% điểm đó có thể được cộng vào tiêu chí 3 và 4.

9.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng					Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Đạt, song cần cải thiện	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	4,0-0,0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự trên lớp đạt trên 90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 85-90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80-85% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80% số tiết học	Tham dự trên lớp dưới 80% số tiết học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi, chữa ít nhất 1 bài tập	Có trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi	Có trao đổi, phát biểu, trả lời 1 câu hỏi	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	

9.3.3. Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic, đề cập được các ý chính và mở rộng được ý bằng các ví dụ. - Còn vài lỗi chính tả. - Tạo ấn tượng tốt với người đọc 	Mức A	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 70-80% câu hỏi - Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. - Có khá nhiều lỗi chính tả. - Tạo ấn tượng tích cực đối với người đọc 	Mức B	7,0 – 8,4
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 50-60% câu hỏi - Trình bày không rõ ý, chưa logic. - Nhiều lỗi chính tả. - Tạo ấn tượng thỏa đáng đối với người đọc 	Mức C (Đạt)	5,5 – 6,9
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. - Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. - Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. - Mắc nhiều lỗi - Nhiều lỗi chính tả. - Tạo ấn tượng chưa tốt đối với người đọc 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 – 5,4
<ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp còn lại 	Mức F	Dưới 4,0

	(Không đạt)	
--	-------------	--

9.3.4. Các Rubric đánh giá bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ và xuất sắc yêu cầu của Bài tập lớn - Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic. - Trả lời được tất cả các câu hỏi của Giảng viên 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 – 10
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ yêu cầu của Bài tập lớn - Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic. - Trả lời đúng 70-80% câu hỏi của GV. 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hầu hết yêu cầu của Bài tập lớn - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng. - Trả lời đúng 50-60% câu hỏi của GV. 	Mức C (Đạt)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được ít yêu cầu của Bài tập lớn - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng, chưa hiểu hết các nhiệm vụ được giao. - Trả lời đúng 30-40% câu hỏi của GV. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 - 5,4
<ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp còn lại 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022

Viện trưởng



TS. Nguyễn Văn Sanh

Trưởng bộ môn



TS. Nguyễn Văn Sanh

Người soạn thảo



TS. Nguyễn Văn Sanh